

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA CÂY MẶN Ở QUY MÔ NÔNG HỘ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN CHÂU - TỈNH SƠN LA

Bùi Thị Thanh Tâm¹, Đỗ Xuân Luận²,
Vi Văn Ngọc³

Tóm tắt

Cây mận là một trong các cây trồng chủ lực trong các cây ăn quả của huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Đến hết năm 2020 diện tích cây mận trên địa bàn huyện đạt 2.844 ha chiếm trên 28% diện tích cây ăn quả của huyện. Với mục tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế của cây mận ở quy mô nông hộ, nghiên cứu tiến hành khảo sát trực tiếp 90 hộ gia đình trồng mận trên địa bàn các xã Lóng Phiêng, Phiêng Khoài, Yên Sơn huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Kết quả phân tích mô hình hồi quy đa biến đã chỉ ra 4 yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả kinh tế của cây mận ở quy mô nông hộ là: (1) Diện tích mận/hộ; (2) Giá bán; (3) Chi phí/ha; (4) Kinh tế của hộ. Dựa trên kết quả phân tích mô hình, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế của cây mận ở quy mô nông hộ trên địa bàn huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La trong thời gian tới.

Từ khóa: Hiệu quả kinh tế, hồi quy đa biến, yếu tố ảnh hưởng, cây mận, huyện Yên Châu.

DETERMINANTS OF THE ECONOMIC EFFICIENCY OF PLUM PRODUCTION AT HOUSEHOLD LEVEL IN YEN CHAU DISTRICT, SON LA PROVINCE

Abstract

Plums are one of the main crops in the production of fruit trees in the Yen Chau district, Son La province. By the end of 2020, there was an area of 2.844 ha of plums in the district, accounting for over 28% of the district's fruit tree area. To identify determinants of the economic efficiency of plums at the household level, this study applied face-to-face interviews to collect data from 90 households in the communes of Long Phieng, Phieng Khoai, and Yen Son of Yen Chau district, Son La province. The results of multivariable regression model analysis showed four factors that significantly influenced the economic efficiency of plum production, including: (1) Acreage of plums per household; (2) Selling price; (3) Production cost per ha; (4) Economic status of the household. Based on the results, this study recommends several solutions to improve the economic efficiency of plum production at the household level in Yen Chau district, Son La province

Keywords: Economic efficiency, multivariable regression, determinants, plum trees, Yen Chau district.

JEL classification: O; O1; O13.

1. Đặt vấn đề

Huyện Yên Châu là một đơn vị hành chính của tỉnh Sơn La, bao gồm 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc. Người dân trên địa bàn huyện sống dựa vào nông nghiệp là chủ yếu. Trong những năm qua, cây mận đã trở thành cây chủ đạo trong công tác xóa đói giảm nghèo và nâng cao thu nhập cho các hộ nông dân trong huyện. Đến hết năm 2020, diện tích cây mận trên địa bàn huyện đạt 2.844 ha chiếm trên 28% tổng diện tích cây ăn quả của huyện. Trên địa bàn huyện đã hình thành các vùng sản xuất mận tập trung và hình thành được một số mô hình sản xuất mận có hiệu quả tập trung tại các xã: Lóng Phiêng, Phiêng Khoài, Yên Sơn; các mô hình sản xuất đã cung ra thị trường các sản phẩm được người tiêu dùng ưa thích.

Tuy nhiên, người trồng mận vẫn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất do điều kiện thời tiết khí hậu của vùng khắc nghiệt, khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, giá cả thị trường không ổn định và giá cả vật tư nông nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất mận tương đối cao. Trong đó, nguyên nhân thuộc về đặc điểm của nông hộ có ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh tế (HQKT)

của cây mận ở các nông hộ. Chính vì vậy, việc nghiên cứu các yếu tố thuộc đặc điểm của các hộ nông dân ảnh hưởng đến HQKT của cây mận ở quy mô nông hộ sẽ phát huy các yếu tố tích cực, quan trọng và hạn chế các yếu tố tiêu cực để góp phần nâng cao HQKT của cây mận quy mô nông hộ ở huyện Yên Châu, tỉnh Sơn la.

2. Tổng quan tài liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan tài liệu

Trong điều kiện khan hiếm các nguồn lực sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế cây trồng là yêu cầu cấp thiết trong tiến trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Cải thiện hiệu quả kinh tế cây trồng phụ thuộc vào việc xác định và giải thích hợp lý về các yếu tố ảnh hưởng [7]. Sơn La có điều kiện khí hậu thuận lợi, đất đai màu mỡ cho phát triển cây mận với số lượng lớn. Dù vậy, hiện chưa có nghiên cứu nào nhằm xác định và đánh giá hiệu quả kinh tế cây mận trên địa bàn. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng về HQKT của cây mận quy mô nông hộ ở huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, đồng thời xác định các yếu tố ảnh hưởng đến HQKT của cây mận của các nông hộ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp góp phần

nâng cao HQKT quy mô nông hộ ở huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

+ Số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo tổng kết của ngành nông nghiệp, các nghị quyết của huyện về nông nghiệp, nông thôn.

+ Thông tin sơ cấp được thu thập thông qua điều tra khảo sát thực tế được tiến hành ở các nông hộ trồng mận trên địa bàn huyện Yên Châu theo các bước sau:

Bước 1: Chọn xã khảo sát: Cây mận được trồng ở 14 trên 15 xã của huyện. Nghiên cứu lựa chọn 3 xã Lóng Phiêng, Phiêng Khoài, Yên Sơn là các xã đại diện cho các vùng sinh thái khác nhau, có diện tích trồng mận lớn, mang tính đặc trưng và đại diện cho đối tượng nghiên cứu.

Bước 2: Xác định cỡ mẫu:

Theo Harris (1985) cho rằng cỡ mẫu phù hợp để chạy hồi quy đa biến phải bằng số biến độc lập cộng thêm ít nhất 50 [6]. Trong nghiên cứu này số biến độc lập gồm 9 biến. Nghĩa là số mẫu tối thiểu phải là $50+9=59$ mẫu. Song để đảm bảo độ chính xác cần thiết, nghiên cứu đã chọn cỡ mẫu khảo sát là 90 và chia đều cho 3 xã (Mỗi xã khảo sát 30 hộ trồng mận).

Bước 3: Phương pháp chọn mẫu: Nghiên cứu áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên để chọn ra các hộ cần khảo sát.

Bước 4: Xây dựng phiếu điều tra khảo sát: Nội dung phiếu điều tra bao gồm: Thông tin về chủ hộ, thông tin về đặc điểm kinh tế hộ canh tác mận như diện tích sản xuất, chi phí sản xuất, hoạt động tiêu thụ sản phẩm, các yếu tố ảnh hưởng đến HQKT và một số kiến nghị của nông hộ.

Bước 5: Tổ chức khảo sát

2.2.2. Phương pháp xử lý, phân tích số liệu

Số liệu sau khi khảo sát thu thập được xử lý qua phần mềm phân tích thống kê Stata 16 để phân tích yếu tố ảnh hưởng đến HQKT của cây mận thông qua mô hình hồi quy đa biến sau:

$$\begin{aligned} \ln Y = & \alpha_0 + \alpha_1 \ln X_1 + \alpha_2 \ln X_2 + \alpha_3 \ln X_3 \\ & + \alpha_4 \ln X_4 + \alpha_5 \ln X_5 + \alpha_6 \ln X_6 \\ & + \alpha_7 X_7 + \alpha_8 X_8 + \alpha_9 X_9 + \varepsilon \end{aligned}$$

Bảng 1: Diện tích, sản lượng mận huyện Yên Châu giai đoạn 2018-2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm			So sánh (%)	
			2018	2019	2020	2019/2018	2020/2019
I	Tổng diện tích	Ha	1.845	2.410	2.844	131,00	118,00
1	Diện tích cho sản phẩm	Ha	848	1.267	1.428	149,00	113,00
2	Diện tích chăm sóc	Ha	580	793	982	137,00	124,00
3	Diện tích trồng mới	Ha	417	350	434	84,00	124,00
II	Sản lượng quả	Tấn	8.463	15.469	16.942	183,00	110,00

Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê huyện Yên Châu năm 2020

Trong đó:

Y là biến phụ thuộc: Lợi nhuận (triệu đồng/ha);

X_i là các biến độc lập: X_1 : Tuổi của chủ hộ (năm); X_2 : Diện tích mận (ha); X_3 : Giá mận (đồng/kg); X_4 : Tổng chi phí/ha; X_5 : Số lần tham gia tập huấn; X_6 : Tuổi cây mận (năm); X_7 : Trình độ học vấn của chủ hộ (1- Không học; 2-Tiểu học; 3- THCS; 4 - THPT); X_8 : Tình trạng kinh tế của hộ (1-Nghèo; 2-Cận nghèo; 3-Khá; 4-Giàu); X_9 : Dân tộc của hộ (1= Dân tộc Kinh; 0 = Dân tộc khác như Thái, Sinh man); ε : phần dư từ mô hình. Ngoài các biến trên còn có một số yếu tố khác có ảnh hưởng không nhỏ đến HQKT của cây ăn quả nói chung và cây mận nói riêng như: Yếu tố chế biến sau thu hoạch, yếu tố kênh phân phối... tuy nhiên trong nghiên cứu này không đề cập đến với lý do: Các nông hộ có vườn mận trên địa bàn nghiên cứu không chế biến mận tươi thành các sản phẩm có hiệu quả hơn và hầu hết các hộ trồng mận đều bán mận quả tươi cho thương lái mua tại vườn.

Thông qua kết quả chạy tương quan hồi quy nhằm xác định những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của cây mận ở quy mô nông hộ.

3. Kết quả nghiên cứu, thảo luận

3.1. Tình hình sản xuất mận huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Xuất phát từ tiềm năng, lợi thế thuận lợi về đất đai, khí hậu, Sơn La đã ban hành nhiều nghị quyết về phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh. Đến hết năm 2020 Sơn La có 78.850 ha cây ăn quả và cây sơn tra, gấp gần bốn lần so với đầu năm 2016; tổng sản lượng quả 336.330 tấn, tăng 185,1% so với năm 2016; là tỉnh có diện tích cây ăn quả lớn nhất miền Bắc và đứng thứ hai cả nước [5]. Trong những năm gần đây thực hiện chủ chương của tỉnh Sơn La về việc phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh, huyện Yên Châu đã phát triển mạnh diện tích cây ăn quả trong đó có cây mận. Đến hết năm 2020 diện tích cây ăn quả của huyện đạt 10.115 (tăng 306,71% so với năm 2015). Sự biến động về diện tích và sản lượng mận giai đoạn 2018-2020 được thể hiện qua Bảng 01 dưới đây:

Qua bảng 01 cho thấy: Nếu như năm 2018 diện tích cây mận là 1.845 ha đến năm 2020 con số này đã tăng lên là 2.844 ha, tăng 54.14%. Diện tích trồng mới hàng năm đạt trên 400 ha. Riêng sản lượng quả năm 2019 so với năm 2018 vượt 183% và năm 2020 vượt 110% so với năm 2019. Sở dĩ có tình trạng tăng trưởng về sản lượng năm sau thấp hơn năm trước vì năm 2019 số diện tích chuyển từ thời kỳ kiến thiết cơ bản sang thời kỳ

cho sản phẩm tấn mạnh từ 848 ha năm 2018 lên 1.267 ha năm 2019. Con số này ở năm 2019 và năm 2020 lần lượt là: 1.428 ha và 149,00 ha.

3.2. Kết quả và hiệu quả kinh tế sản xuất mận của các hộ điều tra

Bảng 02 trình bày một số chỉ tiêu kinh tế theo quy mô vườn của các hộ trồng mận tại địa bàn nghiên cứu.

Bảng 2: So sánh một số chỉ tiêu kinh tế theo quy mô vườn cây
(Tính bình quân trên 1 ha)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy mô lớn (n=10)	Quy mô TB (n=58)	Quy mô nhỏ (n=22)	Bình quân (n=90)
Năng suất	Tạ/ha	91,33	111,92	127,16	113,36
Giá bán	Đồng/kg	9.650	9.803	9.000	9.590
GT sản xuất (GO)	Tr.đồng	88,13	109,72	114,44	108,48
CP trung gian (IC)	Tr.đồng	11,94	17,29	31,06	20,06
Tổng chi phí	Tr.đồng	17,05	26,31	48,14	30,61
GT gia tăng VA (VA = GO-IC)	Tr.đồng	76,20	92,43	83,38	88,42
Lợi nhuận	Tr.đồng	58,79	80,54	67,14	74,85
GO/IC	Lần	7,38	6,35	3,68	5,41
LN/IC	Lần	4,93	4,66	2,16	3,73

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu khảo sát hộ trồng mận năm 2020

Ghi chú: nhóm hộ có quy mô sản xuất lớn (Trên 2 ha trở lên); Nhóm hộ có quy mô sản xuất trung bình (Từ 1 ha đến 2 ha) và nhóm hộ có quy mô sản xuất nhỏ (Dưới 1 ha)

Số liệu ở bảng trên cho thấy mức đầu tư chi phí phụ thuộc khá lớn vào quy mô vườn mận của các nông hộ. Cụ thể, mức đầu tư chi phí theo quy mô lớn, trung bình và nhỏ lần lượt là: 11,94 triệu/ha/năm; 17,29 triệu/ha/năm và 31,06 triệu/ha/năm. Số liệu của bảng cũng cho thấy với mức đầu tư cao sẽ cho năng suất vườn mận cao hơn, năng suất tương ứng với các mức chi phí đã nêu lần lượt là: 91,33 tạ/ha/năm; 111,92 tạ/ha/năm và 127,16 tạ/ha/năm. Điều này hoàn toàn phù hợp với đặc điểm sinh trưởng và phát triển cây mận trên địa bàn nghiên cứu.

3.3. Kết quả phân tích mô hình hồi quy đa biến

Bảng 03 trình bày kết quả ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của cây mận quy mô hộ. Nghiên cứu sử dụng phần mềm phân tích thống kê Stata 16 cho phân tích mô hình hồi quy tuyến tính đa biến để xác định các yếu tố chính ảnh hưởng đến HQKT sản xuất mận của các nông hộ trên địa bàn huyện Yên Châu. Dữ liệu của những biến liên tục được chuyển hoá bằng cách lấy giá trị logarit tự nhiên để tăng khả năng phân phối chuẩn của những biến này và tăng độ tin cậy của ước lượng.

Bảng 3: Kết quả ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận/ha của cây mận

Biến giải thích	Hệ số ước lượng	Sai số chuẩn	Thống kê t	Mức ý nghĩa thống kê (p-value)	Khoảng tin cậy 95%	
Tuổi chủ hộ	0,1339	0,2260	0,59	0,550	-0,31583	0,5837
Diện tích mận	-0,1991	0,0920	-2,16**	0,033	-0,3823	-0,0159
Giá mận	1,3734	0,1850	7,42***	0,000	1,0052	1,7416
Chi phí/ha	-0,3627	0,1119	-3,24**	0,002	-0,5855	-0,1399
Số lần tập huấn	-0,1370	0,1552	-0,88	0,380	-0,4460	0,1720
Tuổi cây mận	-0,1881	0,2943	-0,64	0,525	-0,7739	0,3976
Học vấn chủ hộ	0,0999	0,0685	1,46	0,149	-0,0364	0,2363
Kinh tế của hộ	0,1004	0,0519	1,93*	0,057	-0,0029	0,2037
Dân tộc của chủ hộ	-0,1092	0,0989	-1,10	0,273	-0,3062	0,0877
Hằng số mô hình	11,0296	2,882836	3,83***	0,000	5,2925	16,76664
Tóm tắt mô hình						
Số quan sát	90					
F(9, 80)	8,55					
Prob > F	0,0000					
R-squared	0,4902					
Adj R-squared	0,4329					

Nguồn: Kết quả phân tích mô hình hồi qui đa biến

Kết quả chạy tương quan hồi quy giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc cho thấy các biến sau có tương quan với lợi nhuận/ha: Diện tích mạn (X_2); Giá mạn (X_3); Tổng chi phí (X_4); Kinh tế của hộ (X_8). Kết quả kiểm định Sig ($(F(9, 80)=8.55)=0.000 < \alpha=0.05$) cho thấy mô hình được sử dụng là phù hợp và có ý nghĩa để giải thích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận/ha của nông hộ. Các biến độc lập trong mô hình giải thích được 43,29% sự biến động của lợi nhuận/ha.

Hệ số ước lượng của biến diện tích mạn có dấu âm và có nghĩa thống kê với độ tin cậy 95%. Diện tích mạn càng lớn thì lợi nhuận/ha càng giảm. Ví dụ: Diện tích mạn ở quy mô từ 2 ha trở lên chỉ đạt 58,79 triệu/ha trong khi đó hộ có quy mô diện tích mạn dưới 1 ha đạt 67,14 triệu/ha. Kết quả này phản ánh đúng với thực tiễn của huyện. Tình trạng một số hộ đã không quan tâm tới quy hoạch chung của địa phương, mở rộng diện tích khá nhanh vượt qua khả năng đầu tư của hộ dẫn tới không có điều kiện thâm canh từ đó năng suất mạn thấp (9.133 kg/ha) và đương nhiên HQKT thấp hơn so với các hộ có quy mô trung bình (12.716 kg/ha) và nhỏ (11.192 kg/ha).

Hệ số ước lượng của biến giải thích thể hiện giá mạn có dấu dương và có ý nghĩa thống kê ở với độ tin cậy 99%. Giá mạn càng cao thì lợi nhuận/ha càng lớn. Với mức giá 9.803 đồng/kg của hộ có quy mô trung bình và mức giá 9.000 đồng/kg của hộ có quy mô nhỏ đạt được mức lợi nhuận lần lượt là: 80,54 triệu đồng/ha và 67,14 triệu đồng/ha. Giá mạn trên thị trường thường biến động lớn theo mùa vụ. Mạn đầu mùa và mạn cuối vụ thường có giá cao hơn so với mạn chính vụ. Với mức chi phí giữa mạn chính và rải vụ khác biệt nhau không nhiều nên yếu tố giá có ảnh hưởng rất lớn đến HQKT của sản xuất mạn của các nông hộ.

Hệ số ước lượng của biến đại diện cho chi phí/ha mạn có dấu âm và có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy 95%. Nghĩa là chi phí sản xuất càng cao thì HQKT của cây mạn càng giảm. Số liệu tại bảng 03 đã phản ánh nhận định này. Với mức chi phí trung gian ở các quy mô diện tích khác nhau lần lượt là (quy mô nhỏ: 11,94; Quy mô trung bình 17,29; quy mô lớn 31,06) sẽ có LN/IC (lần) tương ứng là: 4,93; 4,66; 2,16. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn vì chi phí sản xuất và lợi nhuận có mối quan ngược chiều.

Hệ số ước lượng của biến đại diện cho nhóm kinh tế của hộ có dấu dương và có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy 90%. Những hộ khá, giàu thì lợi nhuận/ha mạn cao hơn các hộ nghèo và cận nghèo. Những hộ khá, giàu có điều kiện để thâm canh nhiều hơn từ đó có năng suất tốt hơn và chất lượng sản phẩm tốt hơn nhờ đó giá bán cũng tốt hơn. Vì

vậy, hệ số ước lượng của biến đại diện cho nhóm kinh tế của hộ có dấu dương là hoàn toàn hợp lý.

3.4. Một số giải pháp góp phần nâng cao HQKT của cây mạn quy mô nông hộ trên địa bàn huyện Yên Châu

Dựa vào kết quả phân tích thực trạng và các yếu tố thuộc về đặc điểm của các hộ nông dân ảnh hưởng đến HQKT của cây mạn quy mô nông hộ ở huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao HQKT của cây mạn quy mô nông hộ như sau:

3.4.1. Giải pháp giữ ổn định và mở rộng thị trường đầu ra cho sản phẩm mạn

Từ kết quả nghiên cứu trên cho thấy, giá bán là yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến HQKT của cây mạn ở huyện Yên Châu. Vì vậy các hộ sản xuất mạn cần đặc biệt quan tâm đến các yếu tố có liên quan nhiều đến giá bán mạn, trong đó đặc biệt quan tâm tới thời vụ và phương thức bán. Về thời vụ cần tăng cường các biện pháp kỹ thuật để rải vụ mạn theo hướng cho mạn chín sớm hơn hoặc muộn hơn so với chính vụ. Về phương thức bán cần hạn chế thấp nhất sản lượng bán qua thương lái và tăng cường bán qua hợp đồng cho các đơn vị phân phối thông qua hợp tác xã. Chỉ có vậy giá mạn mới ổn định, nhờ đó mang lại HQKT cao cho hộ sản xuất mạn.

3.4.2. Giải pháp giảm chi phí sản xuất mạn

Một trong những yếu tố ảnh hưởng không nhỏ tới HQKT của cây mạn ở các nông hộ là yếu tố chi phí sản xuất. Giảm được chi phí sản xuất mạn có thể làm tăng lợi nhuận trong sản xuất mạn. Từng nông hộ cần phải thay đổi phương thức và tổ chức lại sản xuất mạn theo hướng tiến bộ. Áp dụng các phương pháp kỹ thuật mới về phân bón, tưới tiêu, thuốc bảo vệ thực vật... trong chăm sóc và thu hoạch, có như vậy mới đạt được hiệu quả cao và giảm được chi phí trong quá trình sản xuất.

3.4.3. Giải pháp về thâm canh

Điều kiện kinh tế hộ có ảnh hưởng đến khả năng thâm canh trong sản xuất mạn của hộ. Các biện pháp thâm canh có hiệu quả sản xuất cao hơn hẳn so với biện pháp quảng canh. Vì vậy, hộ trồng mạn cần phải áp dụng các biện pháp thâm canh thích hợp như đầu tư cho phân bón, chăm sóc... để góp phần nâng cao năng suất mạn.

3.4.4. Giải pháp thành lập các tổ, nhóm sản xuất mạn

Để có thể giúp đỡ nhau trong sản xuất cũng như trao đổi kinh nghiệm, kỹ thuật thâm canh, các hộ nông dân cần phải thành lập các tổ, nhóm liên kết trồng mạn. Các thành viên trong tổ, nhóm có thể trao đổi kinh nghiệm sản xuất, kỹ thuật mới, hỗ trợ giống, vật tư, hợp tác trao đổi công lao động trong thời vụ tập trung trồng, làm cỏ, bón phân, thu hoạch, ... Ngoài ra, việc hợp tác giữa các thành

viên trong tổ, nhóm sản xuất có thể phối hợp trong công tác bảo vệ ruộng nương cũng như tiêu thụ sản phẩm sau thu hoạch.

3.4.5. Giải pháp xen canh cây trồng khác với cây mận

Bên cạnh việc chuyên canh cây mận cần tổ chức trồng xen canh thêm một số loại cây họ đậu, cây lạc để góp phần cải tạo đất, tận dụng đất đai nhằm tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích. Mặt khác, khi trồng xen canh các loại cây này giúp cải tạo đất, chống xói mòn đất, đảm bảo tính bền vững trong sản xuất.

4. Kết luận

Cây mận có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế xã hội và ổn định sinh kế của người

dân Sơn La. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố ảnh hưởng chủ yếu đến HQKT của cây mận, bao gồm: Diện tích mận (X_2); Giá mận (X_3); Tổng chi phí (X_4) Kinh tế của hộ (X_8). Trên cơ sở các yếu tố ảnh hưởng, một số giải pháp về tăng cường khả năng tiếp cận thị trường, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, tiết giảm chi phí sản xuất được đề xuất nhằm giúp cho địa phương phát huy tốt nhất các yếu tố tích cực và hạn chế tối đa các yếu tố tiêu cực để phát triển bền vững cây mận, góp phần chuyển dịch thành công cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn huyện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chi cục thống kê huyện Yên Châu. (2020). *Niên giám thống kê năm 2020*.
- [2]. Trần Hữu Cường. (2008). *Thị trường và giá cả nông sản, thực phẩm*. NXB Nông nghiệp - Hà Nội.
- [3]. Trần Thị Diên. (2020). Giải pháp phát triển sản xuất cam theo hướng hàng hóa ở tỉnh Tuyên Quang. *Luận án tiến sĩ*. Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- [4]. Harris. 1985). *A primer of multivariate statistics*, New York; Academic Press 1985
- [5]. Ozkan, B., Ceylan, R. F., & Kizilay, H. (2009). A review of literature on productive efficiency in agricultural production. *Journal of Applied Sciences Research*, 5(7), 796-801.
- [6]. UBND huyện Yên Châu. (2020). *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2016-2020; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025*;
- [7]. UBND tỉnh Sơn La (2021). *Báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện chủ trương phát triển cây ăn quả và phát triển hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Sơn la 2016-2020*;

Thông tin tác giả:

1. Bùi Thị Thanh Tâm

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên
- Địa chỉ email: buihithanhtam@tua.edu.vn

2. Đỗ Xuân Luận

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên

3. Vi Văn Ngọc

- Đơn vị công tác: UBND huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Ngày nhận bài: 6/12/2021

Ngày nhận bản sửa: 22/12/2021

Ngày duyệt đăng: 30/12/2021